

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án: Khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ đá thôn Nông Nhầy II, xã Đăk Nông, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Báo cáo số 621/BC-HĐTĐ ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng thẩm định về kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ đá thôn Nông Nhầy II, xã Đăk Nông, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum và Văn bản số 16/HTXVT ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Hợp tác xã Vạn Thành về việc đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án: Khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ đá thôn Nông Nhầy II, xã Đăk Nông, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum kèm Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án (đã chỉnh sửa, bổ sung);

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 140/TTr-STNMT ngày 20 tháng 4 năm 2023 (kèm theo hồ sơ).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án: Khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ đá thôn Nông Nhầy II, xã Đăk Nông, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum (sau đây gọi là Dự án) của Hợp tác xã Vạn Thành (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại thôn Nông Nhầy II, xã Đăk Nông, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum¹ với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

¹ Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất tại cuộc họp ngày 08 tháng 5 năm 2023.

Điều 2. Trách nhiệm các đơn vị liên quan:

1. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án chịu trách nhiệm trước pháp luật về: Đảm bảo thống nhất giữa hồ sơ và thực địa; các thông tin về tính đầy đủ, chính xác, hợp lệ, hợp pháp của hồ sơ, tài liệu, số liệu các nội dung liên quan trong hồ sơ Báo cáo đánh giá tác động môi trường để thực hiện dự án trên.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./. 

Nơi nhận:

- Chủ dự án (t/h);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh (để biết);
- Các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Công Thương (t/h);
- Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh (t/h);
- UBND huyện Ngọc Hồi (t/h);
- UBND xã Đăk Nông (t/h);
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh Kon Tum (công bố);
- Trang Thông tin điện tử Sở Tài nguyên và Môi trường (công bố);
- VP UBND tỉnh: CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, NNTN.HVT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Ngọc Sâm

PHỤ LỤC
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA
DỰ ÁN: KHAI THÁC KHOÁNG SẢN ĐÁ LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG
THÔNG THƯỜNG TẠI MỎ ĐÁ THÔN NÔNG NHẦY II, XÃ ĐẮK NÔNG
NÔNG, HUYỆN NGỌC HỒI, TỈNH KON TUM

*(Kèm theo Quyết định số: 199 /QĐ-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

1. Thông tin về dự án:

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ đá thôn Nông Nhầy II, xã Đăk Nông, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum.
- Địa điểm thực hiện Dự án: Thôn Nông Nhầy II, xã Đăk Nông, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum.
- Chủ dự án: Hợp tác xã Vạn Thành.
- Địa chỉ liên hệ: Thôn Nông Nhầy II, xã Đăk Nông, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum.

- Điện thoại: 0260 3504117; E-Mail: hoptacxavanthanh@gmail.com

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức Tuấn - Chức vụ: Giám đốc

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án

- Phạm vi dự án: thực hiện tại thôn Nông Nhầy II, xã Đăk Nông, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum.

- Quy mô, công suất:

+ Diện tích sử dụng đất: Diện tích khu vực chế biến, bãi chứa, văn phòng, sân đường nội bộ: 5.500m²; diện tích khai trường 40.000m².

+ Công suất: 45.000 m³ đá thành phẩm/năm; Công suất khai thác đất làm vật liệu san lấp: 8.000 m³ đất thể tự nhiên/năm tương đương 10.320 m³ đất thể nguyên khai/năm, tương đương 9.288 m³ sản lượng đất làm vật liệu san lấp/năm.

- Tổng vốn đầu tư của dự án: 12.000.000.000 đồng (Mười hai tỷ đồng)

1.3. Công nghệ khai thác, sản xuất:

a) Quy trình công nghệ khai thác, chế biến đá:

- Đá → khoan, nổ mìn → xúc bốc → vận tải → chế biến đá → tiêu thụ.

- Thuyết minh quy trình công nghệ: phá vỡ đá bằng khoan nổ mìn, sau đó sử dụng máy xúc thủy lực gầu ngược kết hợp máy gạt để bốc xúc đá lên xe và vận chuyển về khu chế biến. Tại khu vực chế biến, đá đưa vào hệ thống đập nghiền theo từng kích cỡ và vận chuyển đến nơi tiêu thụ.

b) Quy trình khai thác đất tầng phủ:

Khoáng sản đất làm vật liệu xây dựng thông thường được khai thác trực tiếp bằng máy xúc và được xúc bốc lên ô tô, sau đó vận chuyển về khu vực bãi thải hoặc trực tiếp đi tiêu thụ theo nhu cầu của khách hàng.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư:

- Khu vực khai thác; khu vực mặt bằng sản công nghiệp (khu vực chế biến: khu chứa đá nguyên liệu, khu đặt tổ hợp nghiền sàng, khu chứa đá thành phẩm; các công trình phục trợ: khu nhà điều hành, nhà nghỉ công nhân, kho vật tư, kho chứa chất thải nguy hại, kho nhiên liệu, sân đường nội bộ, bãi tập kết xe, máy móc,...); bãi thải (bố trí trong diện tích khu vực khai thác), công trình thoát nước (rãnh, hố lắng).

- Hoạt động của dự án:

- + Hoạt động phát quang, khai thác, chế biến, vận chuyển sản phẩm;
- + Hoạt động khoan, nổ mìn;
- + Hoạt động bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị;
- + Cải tạo phục hồi môi trường.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường:

2.1. Giai đoạn chuẩn bị:

- Hoạt động: phát quang thảm thực vật.
- Các tác động môi trường: Bụi, sinh khối phát sinh trong quá trình phát quang; nước thải, chất thải rắn sinh hoạt của công nhân.

2.2. Giai đoạn vận hành:

- Các hoạt động của dự án: Khai thác đá, đất tầng phủ; chế biến đá; vận chuyển sản phẩm đi tiêu thụ.
- Các tác động môi trường:
 - + Bụi, sinh khối phát sinh trong quá trình phát quang chuẩn bị bóc phủ.
 - + Khí thải, bụi phát sinh từ các phương tiện khai thác, chế biến, vận chuyển.
 - + Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên.
 - + Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động sinh hoạt; đất đá thải phát sinh trong quá trình chế biến.
 - + Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sửa chữa các phương tiện khai thác, chế biến gồm dầu mỡ thải, giẻ lau bám dính dầu mỡ thải, ắc quy thải.
 - + Tiếng ồn, độ rung.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án đầu tư:

3.1. Nước thải:

a) Giai đoạn chuẩn bị:

- Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh khoảng 0,336 m³/ngày đêm. Thành phần nước thải: Các chất rắn lơ lửng, BOD₅, COD, tổng dầu, mỡ khoáng, tổng nitơ, vi sinh vật (coliform).

- Nước mưa chảy tràn lớn nhất chảy qua khu vực dự án khoảng 11.870 m³/tháng. Thành phần: Đất, cát, sinh khối thực vật, rác thải sinh hoạt.

b) Giai đoạn vận hành:

- Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh khoảng 1,68 m³/ngày đêm.
Thành phần: Các chất rắn lơ lửng, BOD₅, COD, tổng dầu, mỡ khoáng, tổng nitơ, vi sinh vật (coliform).

- Nước mưa chảy tràn lớn nhất chảy qua khu vực dự án khoảng 11.870 m³/tháng. Thành phần: Đất, cát, sinh khối thực vật, rác thải sinh hoạt.

3.2. Khí thải:

a) Giai đoạn chuẩn bị

Bụi, khí thải phát sinh trong quá trình dọn sinh khối, từ các thiết bị máy móc.
Thành phần chủ yếu: Bụi, CO, SO₂, NO₂.

b) Giai đoạn vận hành:

Bụi phát sinh chủ yếu từ quá trình bốc xếp, tập kết và vận chuyển sản phẩm; khí thải phát sinh từ phương tiện khai thác, quá trình khoan, nổ mìn, chế biến, vận chuyển. Thành phần chủ yếu: Bụi, SO₂, NO₂, CO.

3.3. Chất thải rắn, chất thải rắn nguy hại:

a) Giai đoạn chuẩn bị

- Sinh khối trong quá trình phát quang phát sinh khoảng 12,34 tấn. Thành phần: cành lá cây, bụi cỏ.

- Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân phát sinh khoảng 2-5 kg/ngày.
Thành phần: Chất hữu cơ, bao bì, túi nilon, vỏ chai, vỏ hộp...

- Chất thải nguy hại chủ yếu là dầu mỡ thải phát sinh do quá trình bảo dưỡng, sửa chữa các phương tiện máy móc, khối lượng phát sinh tuy nhiên lượng phát sinh không đáng kể.

b) Giai đoạn vận hành:

- Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân phát sinh khoảng 22,4 kg/ngày.
Thành phần: Chất hữu cơ, bao bì, túi nilon, vỏ chai, vỏ hộp...

- Đá thải phát sinh trong quá trình khai thác, chế biến đá phát sinh khoảng 40.000m³ và đất phát sinh trong quá trình bốc tâng phủ khối lượng khoảng 120.704m³; khối lượng này lưu chứa tại bãi thải (đáy moong) để cải tạo phục hồi môi trường.

- Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị với khối lượng khoảng 4 kg/ tháng. Thành phần chủ yếu: dầu mỡ thải, giẻ lau bám dính dầu mỡ thải, ắc quy thải.

3.4. Tiếng ồn, độ rung:

a) Giai đoạn chuẩn bị:

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của các thiết bị phục vụ cho quá trình phát quang.

b) Giai đoạn vận hành:

Tiếng ồn, độ rung: phát sinh từ hoạt động khoan nổ mìn, nổ mìn, thiết bị khai thác, chế biến đá và vận chuyển đá thành phẩm, đất san lấp đến nơi tiêu thụ

3.5. Các tác động khác:

- Sự cố sạt lở bờ moong khai thác: Nếu khai thác không đúng quy trình kỹ thuật dễ dẫn đến sự cố sạt lở bờ moong; trời mưa lớn có nguy cơ cuốn theo đất đá bồi lấp các khu vực xung quanh.

- Sự cố đá văng, đá rơi, rung chấn: Trong quá trình nổ mìn phá đá làm phát sinh đá văng có thể ảnh hưởng các đối tượng xung quanh.

- Sự cố an toàn lao động: Trong quá trình khai thác, chế biến đá có thể xảy ra sự cố tai nạn lao động nếu công nhân bất cẩn trong quá trình vận hành máy móc, thiết bị không chấp hành quy định về an toàn lao động.

- Sự cố cháy nổ: Trong quá trình khoan nổ mìn, công tác tiếp nhận, quản lý và sử dụng vật liệu nổ không đảm bảo kỹ thuật theo quy định, sự cố về thiết bị điện đều có khả năng làm xảy ra sự cố cháy nổ.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư:

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: Được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn dung tích 3 m³ đã được xây dựng tại khu vực dự án.

- Nước mưa chảy tràn:

+ Khu vực khai trường (khu vực mỏ): Vị trí đang khai thác có cao độ thấp hơn môi trường xung quanh và tạo thành hố mỏ, nước đọng tại đây được dẫn về hố lắng có kích thước 10mx2mx1m, tại vị trí này đặt bơm, bơm nước mưa từ trong mỏ ra các khe cạn phía Đông Nam bằng đường ống Φ110 dài khoảng 100 m (không để đọng nước trong mỏ lâu ngày). Tại các vị trí khác trong khu vực khai thác (vị trí chưa mở vỉa, bờ moong chưa khai thác, ..) nước thải được thoát theo địa hình tự nhiên chảy ra các khe cạn phía Đông Nam.

+ Khu vực mặt bằng sản công nghiệp: Nước mưa thoát theo địa hình, theo rãnh đất về hố lắng (30mx1mx1m) để lắng bùn trước khi chảy ra khe cạn phía Đông Nam khu vực dự án, định kỳ 1 tuần/1 lần nạo vét bùn.

* *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Xử lý nước thải sinh hoạt đạt QCVN 14:2008/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt. Nước thoát ra từ các hố lắng phải đảm bảo QCVN 40:2011/BTNMT (cột A)- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

4.2. Công trình và biện pháp xử lý bụi, khí thải:

- Lắp đặt và vận hành hệ thống phun sương tại vị trí nghiền sàng và phun nước trực tiếp lên đá tại phễu tiếp nhận nguyên liệu. Sử dụng công nghệ phun sương áp suất thấp 6 vòi phun (bằng kim loại hoặc bằng nhựa) lắp đặt trực tiếp tại các vị trí phát sinh nhiều bụi của hệ thống nghiền sàng.

- Phun nước vào mùa khô trên tuyến đường vận chuyển nội bộ từ khu vực khai trường đến khu vực chế biến; tuyến đường từ Quốc lộ 14 vào khu vực dự án với tần suất 2 lần/ngày để giảm thiểu lượng bụi.

- Tiến hành phun tưới sơ bộ trên bề mặt lỗ khoan và phạm vi vùng nổ để giảm bớt bụi tung trong khu vực mỏ.

- Trong quá trình vận chuyển đá và đất san lấp phải phủ, che chắn, không để rơi vãi trên đường ảnh hưởng đến việc lưu thông của phương tiện khác. Không chở quá tải trọng cho phép khi tham gia giao thông.

- Bố trí lịch vận chuyển hợp lý, tránh vận chuyển vào các giờ cao điểm.

- Trang bị đầy đủ quần áo, giày, găng tay, khẩu trang y tế,... cho người lao động, hạn chế bụi ảnh hưởng đến sức khỏe.

** Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Xử lý bụi và khí thải đạt QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh, QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi, giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

4.3. Các công trình và biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

a) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Sinh khối phát sinh trong giai đoạn chuẩn bị: thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý.

- Chất thải rắn sinh hoạt: được phân loại, thu gom vào 02 thùng chứa rác (120 lít) bố trí tại khu vực khu nhà điều hành, hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý.

- Đá thải trong quá trình khai thác, chế biến đá: thu gom, vận chuyển về khu vực bãi thải 4.500 m² (nằm trong khu vực khai trường); sử dụng lượng đá thải để san gạt mặt bằng, cải tạo phục hồi môi trường

b) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Thu gom, phân loại, tách riêng từng loại CTNH, dụng cụ lưu chứa bảo đảm không rò rỉ, rơi vãi hoặc phát tán ra môi trường và được dán nhãn (*tên CTNH, mã CTNH*). Lưu giữ trong kho chất thải nguy hại với diện tích 25 m²; hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý.

** Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý, thu gom, phân loại, lưu giữ, vận chuyển, xử lý theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

- Áp dụng phương án nổ mìn kỹ thuật an toàn, lập kế hoạch nổ mìn và phối hợp với chính quyền địa phương thông báo thời gian và địa điểm nổ mìn. Thực hiện theo đúng nội dung của giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.

- Thường xuyên bảo dưỡng, bôi dầu mỡ tại các bộ phận tiếp xúc gây ồn của tổ hợp đập - nghiền - sàng.

- Kiểm tra định kỳ về độ vững chắc của chân móng vững chắc cho máy nghiền để hạn chế độ rung do hoạt động máy gây ra.

- Trang bị đồ, thiết bị (nút bịt tai) bảo hộ lao động chống ồn cho công nhân làm việc thường xuyên.

- Bố trí thời gian khai thác, chế biến, vận chuyển hợp lý trên khai trường.

* *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu đạt tiêu chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; QCVN 24/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc tiếng ồn cho phép tại nơi làm việc.

4.5. Nội dung cải tạo phục hồi môi trường:

a) Phương án cải tạo, phục hồi môi trường:

Phương án được lựa chọn: Sau khi kết thúc khai thác tại khu vực moong khai thác tạo hồ nước diện tích 6.622,5 m², xung quanh bờ hồ đặt biển báo và hàng rào; phần diện tích còn lại san gạt và trồng cây cao su; xung quanh bờ moong lập biển báo. Mặt bằng sân công nghiệp phá dỡ, tháo dỡ san gạt mặt bằng và trồng cây cao su. Cụ thể:

- Khu vực khai trường:

+ Khu vực đáy mỏ khi kết thúc khai thác có coste +630 m: San gạt 4.400 m² đến coste +660m và trồng cây cao su với mật độ 1.110 cây/ha. Phần diện tích còn lại san gạt đến coste +645 m tạo hồ tích nước (diện tích hồ 6.622,5 m²), xung quanh hồ lắp đặt biển báo (30 m/biển báo) và làm rào chắn kẽm gai (360 m) và làm kè rọ đá, chiều dài kè 120m; tạo rãnh thoát nước xung quanh hồ chứa (0,4mx0,4 mx581m) ở coste +660m để lưu thông thoát nước mở ra bên ngoài (khe cạn) vào mùa mưa; vào mùa khô người dân có thể tận dụng nước tại hồ để làm nước tưới cây.

+ Khu vực đáy mỏ khi kết thúc khai thác có coste +675 m: San gạt mặt bằng đến coste +675,5 m, trồng cây cao su trên diện tích 8.970 m², mật độ cây cao su trồng 555 cây/ha, tạo rãnh thoát nước (0,4mx0,4 mx525 m).

+ Trồng cỏ vetiver trên diện tích 2.126,8 m² mái taluy trên tầng đất, mặt tầng thu gom thoát nước theo địa hình (mặt tầng tạo độ dốc 1-2%).

+ Lắp đặt biển báo xung quanh biên giới mỏ (30 m/biển báo).

- Đối với khu vực mặt bằng sân công nghiệp:

+ Tháo dỡ nhà văn phòng diện tích 50 m², nhà nghỉ công nhân diện tích 150 m², nhà vệ sinh 6 m², kho phụ tùng, vật tư 25 m², kho chứa chất thải nguy hại 25 m², kho nhiên liệu 50 m².

+ Tháo dỡ máy móc thiết bị nghiền sàng là 01 trạm; hệ thống camera và 01 trạm cân với tổng trọng lượng 15 tấn.

+ San gạt mặt bằng, trồng cây cao su trên diện tích 5.500 m², mật độ 555 cây/ha.

- Duy tu, sửa chữa tuyến đường vận chuyển từ Quốc lộ 14 đến khu vực dự án: Rải đá, san gạt và lu lèn tuyến đường với khối lượng thực hiện 650 m³.

b) Danh mục, khối lượng các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường và kế hoạch thực hiện:

TT	Tên công việc	Khối lượng	Thời gian thực hiện
I	Khu vực khai trường		
1	San gạt mặt bằng đáy moong khai thác	160.704 m ³	Sau khi kết thúc khai thác
2	Đào mương thoát nước trên các mặt tầng (tầng đất) và mương thoát nước ở đáy mỏ	176,76 m ³	
3	Kè rọ đá tại khu vực bờ chống sụt lở thành hồ	120 rọ	
4	Trồng cột mốc, biển báo các loại bằng thủ công	30 cái	Trong quá trình khai thác và sau khi kết thúc khai thác
5	Xây dựng hàng rào xung quanh bờ hồ	360 m	Sau khi kết thúc khai thác
6	Trồng cỏ sùan tầng	531,7 m ²	Trong quá trình khai thác
7	Trồng cây cao su trên diện tích đáy mỏ ở coste +675,5 m và coste +660 m	1,4256 ha	Sau khi kết thúc khai thác
8	Vận chuyển nguyên vật liệu, cây giống,...	12 tấn	
II	Khu vực mặt bằng sân công nghiệp		
1	Tháo dỡ mái tôn các công trình	385 m ²	Sau khi kết thúc khai thác
2	Phá dỡ kết cấu tường gạch các công trình	66 m ³	
3	Vệ sinh môi trường	6 m ²	
4	Xúc đá hỗn hợp lên phương tiện vận chuyển	66 m ³	
5	Bốc xếp, vận chuyển cấu kiện	15 tấn	
8	San gạt mặt bằng	825 m ³	
9	Trồng cây cao su	0,55 ha	
III	Cải tạo, sửa chữa tuyến đường vận chuyển từ Quốc lộ 14 đến khu vực dự án	650 m ³	Sau khi kết thúc khai thác

c) Kinh phí thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường là 1.527.925.563 đồng (*Một tỷ, năm trăm hai mươi bảy triệu, chín trăm hai mươi lăm nghìn, năm trăm sáu mươi ba đồng*)

- Tổng số tiền Hợp tác xã Vạn Thành đã thực hiện ký quỹ đến thời điểm hiện tại là: 1.109.352.369 đồng (*Một tỷ một trăm lẻ chín triệu ba trăm năm mươi hai nghìn ba trăm sáu mươi chín đồng*)².

- Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường sau khi đối trừ cần phải ký quỹ: 418.573.194 đồng (*Bốn trăm mười tám triệu năm trăm bảy mươi ba nghìn một trăm chín mươi tư đồng*).

+ Thời gian ký quỹ (còn lại của dự án): gần 10 năm.

+ Số tiền ký quỹ lần đầu: 104.643.298 đồng (*Một trăm lẻ bốn triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn hai trăm chín mươi tám đồng*).

² Thực hiện theo Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 02/7/2012 và Quyết định số 1518/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của UBND tỉnh Kon Tum (số tiền đã tính yếu tố trượt giá).

+ Số tiền ký quỹ các năm tiếp theo (9 năm): 34.881.099 đồng/năm (*Ba mươi bốn triệu tám trăm tám mươi một nghìn không trăm chín mươi chín đồng/năm*).

Lưu ý: Sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum quyết định điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản, nếu thời hạn khai thác khác với thời gian đã tính trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã phê duyệt thì Chủ dự án có trách nhiệm điều chỉnh nội dung và tính toán số tiền ký quỹ theo thời hạn được Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép và gửi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường để xem xét, điều chỉnh theo quy định của pháp luật hiện hành. Chủ dự án nộp số tiền ký quỹ hằng năm phải tính đến yếu tố trượt giá và được xác định bằng số tiền ký quỹ hằng năm nhân với chỉ số giá tiêu dùng của các năm trước đó tính từ thời điểm phương án, được phê duyệt. Chỉ số giá tiêu dùng hằng năm áp dụng theo công bố của Tổng cục Thống kê cho địa phương nơi khai thác khoáng sản hoặc cơ quan có thẩm quyền.

- Thời điểm ký quỹ:

+ Ký quỹ lần đầu: không quá 30 ngày, kể từ ngày được phê duyệt Báo cáo ĐTM (phương án CTPHMT).

+ Việc ký quỹ các lần tiếp theo: không quá 07 ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ;

- Đơn vị nhận ký quỹ: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum. Tài khoản số: 110616717777 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam- CN tỉnh Kon Tum.

4.6. Biện pháp ứng phó với sự cố môi trường:

a) Phòng chống sạt lở bờ moong khai thác, bồi lấp khu vực xung quanh:

- Trong quá trình khai thác phải đảm bảo góc sườn tầng khai thác, sườn tầng kết thúc, chiều cao tầng khai thác, chiều cao tầng kết thúc theo đúng quy định; đảm bảo QCVN 04:2009/BCT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong khai thác mỏ lộ thiên.

- Thường xuyên giám sát các vị trí sụt trượt như vách núi, bờ mỏ để phát hiện các vết nứt, đá treo để có biện pháp phòng tránh nguy cơ sạt lở. Định kỳ nạo vét, khơi thông rãnh thoát nước, hố lắng.

b) Sự cố đá văng, đá rơi, rung chấn trong quá trình nổ mìn:

- Lắp đặt biển báo cho người dân địa phương và công nhân trong khu vực dự án biết khoảng cách nguy hiểm do đá văng.

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định tại QCVN 05:2012/BLĐTBXH - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn lao động trong khai thác và chế biến đá. QCVN 01:2019/BCT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất thuốc nổ.

c) Sự cố an toàn lao động:

Trang bị an toàn cho người lao động, kiểm định an toàn máy móc trên công trường tuân theo quy định hiện hành tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia An

toàn trong xây dựng: QCVN 18:2014/BXD - Ban hành kèm theo thông tư số 14/2014/TT-BXD ngày 05 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng yêu cầu kỹ thuật an toàn trong xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật đô thị.

d) Sự cố cháy nổ:

- Áp dụng các quy định pháp luật hiện hành về phòng cháy và chữa cháy
- Xây dựng và thực hiện kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

5.1. Chương trình quản lý

Chủ dự án xây dựng chương trình quản lý môi trường của dự án, thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, tổ chức quan trắc giám sát chất thải theo quy định.

5.2. Giám sát môi trường

a) Giám sát môi trường không khí:

- Thông số giám sát: Bụi, CO, SO₂, NO₂, tiếng ồn, độ rung và yếu tố vi khí hậu (nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió).
- Vị trí giám sát: 02 vị trí
- + 01 vị trí tại khu vực khai thác khoáng sản.
- + 01 vị trí tại khu vực mặt bằng sản công nghiệp (trạm nghiền)
- Tần suất: 03 tháng/lần.

Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh, QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, QCVN 02:2019/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

b) Giám sát nước tại hố lắng:

- Thông số giám sát: pH, TSS, Tổng dầu mỡ khoáng.
- Vị trí giám sát: 02 vị trí.
- + 01 hố lắng tại mặt bằng sản công nghiệp.
- + 01 hố lắng khu vực khai thác.
- Tần suất thu mẫu và phân tích: 03 tháng/lần.

Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT (cột A)- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

c) Giám sát môi trường nước mặt:

- Thông số giám sát: pH, DO, TSS, COD, NH₄⁺- N, PO₄³⁻, Fe tổng, coliform, dầu mỡ.
- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại suối nhỏ (không tên) gần khu vực dự án.
- Tần suất thu mẫu và phân tích: 06 tháng/lần.

Quy chuẩn so sánh: QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

d) Giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại

- Giám sát việc phân loại, khối lượng, chủng loại, tỷ lệ, thành phần chất thải và biện pháp thu gom, xử lý.

- Vị trí giám sát: khu vực sản công nghiệp.

- Tần suất: thực hiện giám sát thường xuyên.

e) Giám sát khác:

- Giám sát sụt lở bờ moong khai thác, sụt lở bãi thải, hiện tượng đá lăn.

- Giám sát hệ thống thoát nước.

- Giám sát an toàn nổ mìn.

- Vị trí giám sát: khu vực dự án.

- Tần suất: thực hiện giám sát thường xuyên.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

- Trong quá trình triển khai chuẩn bị và hoạt động của dự án yêu cầu Chủ dự án thực hiện nghiêm các quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Luật Khoáng sản, Luật Đất đai, Luật Tài nguyên nước, Luật Đa dạng sinh học... Thực hiện nghiêm Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12 tháng 01 năm 2017 của Ban Bí thư và Kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo số 191/TB-VPCP ngày 22 tháng 7 năm 2016 của Văn phòng Chính phủ trong quá trình triển khai Dự án. Tổ chức khai thác theo đúng tọa độ, diện tích, trữ lượng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

- Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn thực phẩm, phòng cháy, chữa cháy theo quy định và tuân thủ công tác bảo vệ môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định có liên quan.

- Thực hiện giải pháp phòng chống xói mòn, trượt lở đất đá. Trong quá trình thực hiện dự án, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của dự án; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo khẩn cấp cho cơ quan quản lý về môi trường cấp tỉnh và các cơ quan có liên quan nơi có dự án để chỉ đạo và phối hợp xử lý. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về bảo vệ môi trường và bồi thường thiệt hại nếu trong quá trình hoạt động gây ô nhiễm môi trường, gây sự cố môi trường ảnh hưởng đến đối tượng xung quanh.

- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về tài chính theo quy định của pháp luật hiện hành. Thực hiện việc cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo đúng quy định. Bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường như đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Thực hiện báo cáo định kỳ về quan trắc và giám sát môi trường, quản lý chất thải rắn sinh hoạt, quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, quản lý chất thải nguy hại, kết quả giám sát và phục hồi môi trường và các

báo cáo môi trường khác, được lồng ghép trong cùng một báo cáo công tác bảo vệ môi trường.

- Ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố về môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

- Hoàn thiện thủ tục pháp lý về Giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Thực hiện nghiêm túc các kiến nghị của Ủy ban nhân dân xã Đắk Nông, Ủy ban MTTQVN xã Đắk Nông và những yêu cầu của người dân tại các Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư đính kèm Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án./

.....